

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ



NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

XUẤT BẢN 6 KỶ MỘT NĂM

Tổng biên tập: VĂN TẠO

Phó Tổng biên tập:

CAO VĂN LƯỢNG

Trụ sở: 38, phố Hàng Chuối, Hà Nội

Điện thoại: 53200

Số 6 (225)

XI—XII

1985

MỤC LỤC

Văn Tào	- Mối quan hệ mật thiết giữa địa lý và lịch sử trong «Đur địa chí»	1
Đỗ Minh Cao	- Việt Nam - thất bại chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á	5
Đinh Xuân Lâm	- Đề có một nhận định đúng đắn về Tôn Thất Thuyết trong lịch sử Việt Nam	11
Nguyễn Phan Quang	- Khởi nghĩa Đa Vách	16
Phạm Quang Trung	- Về chính sách vơ vét lúa gạo của tư bản Pháp và quá trình phát triển của giai cấp địa chủ ở Nam Bộ thời Pháp thuộc	23
Nguyễn Danh Phiệt	- «12 sứ quân» và sự nghiệp thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh	32
Nguyễn Minh Tường	- Góp phần xác định vị trí sông Thiên Mạc trong cuộc kháng chiến chống Nguyên năm 1285	41
Vũ Duy Mên	- Quá trình điều chỉnh và bổ sung hương ước Quỳnh Đôi	45
Trần Thị Bích Ngọc	- Vị trí chính trị, kinh tế Sài Gòn - Gia Định ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới ở thế kỷ XVII-XIX	50
Nguyễn Văn Thâm - Phan Đại Doãn	- Về vấn đề phân loại các nguồn sử liệu của lịch sử Việt Nam	60
Sergurd Schmidt	- Xã hội và thiên nhiên: những vấn đề nghiên cứu các nguồn tư liệu lịch sử	69
Tư liệu		
Đỗ Thịnh	- Từ Quận Công là ai?	76
Hữu Thông	- Về tập bản đồ vừa tìm thấy ở Huế	77
Đọc sách		
Trương Hữu Quỳnh	- «Lịch sử Nghệ Tĩnh» tập 1.	79

Thông tin

Tổng mục lục NCLS năm 1985

VAI TRÒ TÔN THẮT THUYẾT TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

ĐINH XUÂN LÂM - NGUYỄN VĂN KHÁNH

CUỘC đời và sự nghiệp của Tôn Thất Thuyết gắn bó với cuộc đấu tranh anh dũng của dân tộc ta chống lại sự xâm lược và nô dịch của thực dân Pháp trong hai thập kỷ cuối thế kỷ XIX.

Nhưng do ông sống và hoạt động trong một thời đại phức tạp, đầy biến động của lịch sử dân tộc, cá tính của ông lại có những nét biểu hiện quyết liệt khác thường nên khi còn sống và ngay cả sau khi đã chết Tôn Thất Thuyết luôn luôn là đối tượng vu cáo, bôi nhọ của những phần tử chống đối, cố tình dựng đứng, bịa đặt nhiều chuyện phi lý để làm lu mờ phẩm chất cao đẹp trong con người ông, đồng thời biện chính cho hành động đầu hàng giặc, phản bội dân tộc của chúng.

Dưới con mắt của bọn giặc và bè lũ tay sai, Tôn Thất Thuyết hiện ra như « một quyền thần vô học », « tài năng thì kém mà lại nhất gan cho nên đa nghi và hay chém giết », « xưa nay chỉ lấy quyền thế mà đè nén người ta; hơi một tí thì lấy sự chém giết làm oai »⁽¹⁾; hoặc là một người « không thức thời », « hèn nhát, đào ngũ »⁽²⁾. Tuy vậy không phải không có ý kiến khen ông là « chân thành yêu nước », là « một bậc người có tài trí ở đương thời, tính tình rất cương cường vô đoán », v.v...; nhưng ngay sau đó họ lại đặt giả thiết sắc mùi tùy thời, cơ hội chủ nghĩa là « Nếu như sau lúc chống cự rồi mà thất thế bại binh, Thuyết chịu ra hàng phục Bảo hộ, có lẽ cũng được Bảo hộ trọng đãi »⁽³⁾.

Phải từ sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc nước ta (1954) mới có một số nhà nghiên cứu chú ý đề cập tới và làm sáng tỏ vai trò tích cực của Tôn Thất Thuyết trong cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống xâm lược Pháp để bảo vệ độc lập dân tộc hồi cuối thế kỷ XIX⁽⁴⁾.

Nhìn chung cho tới nay việc đánh giá Tôn Thất Thuyết cũng như một số vấn đề lịch sử có liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của ông vẫn chưa thực sự thống nhất ý kiến và

cần được trao đổi nhiều hơn. Nguyên nhân của tình trạng đó chủ yếu là do cách nhìn nhận và quan niệm của những người nghiên cứu. Nhưng một phần nữa không kém quan trọng là vì tình trạng tư liệu nghèo nàn, nhiều khi lại thiếu xác thực. Vì vậy cần phải rà xét lại các nguồn tư liệu đa dạng và phức tạp hiện có, kết hợp với việc tiếp tục thu thập các tư liệu mới, nhất là tư liệu điều tra thực tế, nhằm bổ sung cho các nguồn tư liệu thứ tịch, trên cơ sở đó đối chiếu với yêu cầu trung tâm của thời đại và lịch sử dân tộc để kiểm chứng lại các nhận định cũ, cố gắng đi tới những nhận định đúng đắn và sát hợp.

☆

Tôn Thất Thuyết sinh ngày 29 tháng 3 năm Kỷ Hợi (12-5-1839) tại thôn Phú Mộng, xã Xuân Long, nay thuộc thành phố Huế (tỉnh lý Bình Trị Thiên).

Xuất thân trong một gia đình hoàng tộc, thuộc dòng họ Nguyễn đang cầm quyền. Tôn Thất Thuyết có nhiều thuận lợi hơn so với người khác trên con đường công danh, sự nghiệp. Nhưng sở dĩ ông nhanh chóng thành công trên hoạn lộ, chủ yếu là do sự cố gắng và năng lực của bản thân.

Đương thời Tôn Thất Thuyết thường được gọi là « Quan Tướng » (để phân biệt với « Quan Quận », chỉ Nguyễn Văn Tường) nên có người lầm tưởng ông xuất thân từ quan võ, học hành ít. Thực ra ông vốn là một quan văn. Năm 1869 ông làm Án sát tỉnh Hải Dương, đến năm 1870 do yêu cầu của tình hình mới ông chuyển sang làm quan võ cùng với Thống đốc quân vụ Hoàng Tá Viêm phụ trách việc tiêu phi trên vùng biên giới phía Bắc⁽⁵⁾.

Trong công tác, ông tỏ ra năng nổ, hăng hái, lại lắm mưu nên được thăng chức rất nhanh. Năm 1870 ông làm Tân tương quân vụ Sơn Tây, sau được cử làm Tân lý quân thứ Thái Nguyên, rồi Bố chính Hải Dương. Ba năm sau (1873) ông làm Tham tán quân vụ, kiêm Tham tri Bộ Binh. Năm 1875 ông

được cử quyền Tổng đốc bốn tỉnh Ninh - Thái - Lạng - Bình Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng), sáu đó được bổ chức Hiệp đốc quân vụ.

Chính vua Tự Đức mặc dù luôn luôn có thái độ khe khắt với Tôn Thất Thuyết, có lúc chê ông « ít học, không thông, lại có tính nóng nảy, nói càn » hoặc « vốn có tính kiêu căng, hẹp hòi, hay nghi ngờ người »⁽⁶⁾ cũng có lần buộc phải khen ông là « tướng có uy vũ », « tài trí đáng khen »⁽⁷⁾, « Không phải là cường dũng như Ông Ích Khiêm, ít học như Trương Văn Đễ, cho nên Lê Tuấn cũng từng khen là biết lễ »⁽⁸⁾.

Tôn Thất Thuyết thường xuyên quan tâm tới công việc phòng thủ đất nước. Vào năm 1873 thấy rõ âm mưu đen tối của thực dân Pháp đang làm le kéo quân ra đánh chiếm miền Bắc, ông đã chủ động làm sớ tâu về triều: « Hà Nội là một trấn lớn ở Bắc Kỳ, rất quan yếu, xin chuẩn cho quan Khâm mạng là Nguyễn Tri Phương về trấn trị, cho nơi cần bản được vững »⁽⁹⁾. Đến khi thành Hà Nội bị thất thủ (20-11-1873), rồi các tỉnh Hưng Yên, Phú Lý, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định nối tiếp nhau rơi vào tay giặc, mặc dù chưa có lệnh của Triều đình, ông đã hăng hái cùng Hoàng Tá Viêm kéo quân từ Sơn Tây về phối hợp với đội quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc⁽¹⁰⁾ phục kích đánh tan quân Pháp ở trận Cầu Giấy (21-12-1873), tên đại úy Phrăngxi Gacniê phải đền tội tại trận. Nhưng lo ngại thực dân Pháp phản ứng, Tự Đức đã vội cử người đi gấp từ Huế ra đòi hai ông phải rút quân. Tôn Thất Thuyết đã khẳng khái nói: « Tướng ở ngoài chỉ biết lo việc đánh giặc »⁽¹¹⁾, hai phái viên của Tự Đức là Nguyễn Trọng Hợp và Trương Gia Hội phải tới quân thủ bản bạc, thuyết phục, « Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết mới thuận nghe, đóng binh bất động »⁽¹²⁾.

Trong thời gian này có một sự kiện cần được làm sáng tỏ. Theo sử triều Nguyễn, năm 1874 không nghe tin văn thân và nhân dân Nghệ Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Trần Tấn và Đặng Như Mai nổi dậy chống lại cả Triều lẫn Tây, Tôn Thất Thuyết lập tức đưa quân từ Bắc vào đàn áp, được Tự Đức khen là « có lòng với nhà vua »⁽¹³⁾. Nhưng căn cứ vào một số tài liệu của các giáo sĩ Pháp được chứng kiến trực tiếp cuộc khởi nghĩa này thì « dư luận chung cho là ông ta (chỉ Tôn Thất Thuyết - TG) sẽ đứng về phía những người nổi loạn ở Nghệ An và mở đường cho nghĩa quân tiến ra Bắc »⁽¹⁴⁾. Cùng với các tài liệu đó, kết quả điều tra thực địa trong nhân dân vùng Thanh Chương (Nghệ Tĩnh) cũng xác nhận ý kiến trên cho rằng « Tôn Thất Thuyết

vào Nghệ An với danh nghĩa là đàn áp, nhưng cốt để tiếp xúc và trực tiếp giúp đỡ nghĩa quân »⁽¹⁵⁾. Hiện nay chúng ta chưa có điều kiện kết luận về thái độ thật sự của Tôn Thất Thuyết đối với cuộc khởi nghĩa. Song một điều có thể khẳng định là khẩu hiệu « Bình Tây sát tả » của cuộc khởi nghĩa nhất định được ông đồng tình và tìm cách ủng hộ.

Đến năm 1878 ông xin về nghỉ tại Thanh Hóa để chữa bệnh. Nhưng tháng 8 năm 1881 do tình hình nước ta lúc ấy có nhiều khó khăn về nội trị và ngoại giao, Tự Đức phải gọi ông ra nhận chức Thượng thư Bộ Binh phụ trách toàn bộ việc quân của Triều đình. Năm 1883 ông được cử vào Viện Cơ mật. Khi Tự Đức chết (17-7-1883) ông lại được cử làm Phụ chính cùng với Trần Tiễn Thành và Nguyễn Văn Tường cùng đảm đương việc nước khi vua còn ít tuổi. Vừa nắm cả quyền chính trị và quân sự trong tay, ông giữ vai trò đặc biệt quan trọng, có tính chất quyết định trong triều hồi đó.

Triều đình Huế lúc này vô cùng rối ren. Trên đà thắng thế, thực dân Pháp ngày càng lấn tới, bắt ép Triều đình ký Hòa ước Quý mùi (25-8-1883), rồi đến Hòa ước Giáp thân (6-6-1884) từng bước xác lập và hoàn chỉnh nền Bảo hộ của chúng trên toàn bộ đất nước ta. Trong khi đó phái kháng chiến do Tôn Thất Thuyết cầm đầu vẫn bí mật chuẩn bị lực lượng, mở « đường thượng đạo », gấp rút xây dựng một hệ thống đồn sở, sơn phòng dọc theo dãy Trường Sơn, chuyển súng đạn, đại bác, kho tàng, lương thực ra căn cứ Tân Sở (Quảng Trị), ráo riết tổ chức và đẩy mạnh luyện tập các đội quân Phấn Nghĩa và Đoàn Kiệt v.v... chờ ngày « sống mái » với quân thù. Tôn Thất Thuyết còn cương quyết phê truất và thủ tiêu các ông vua có xu hướng thân Pháp như Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, hoặc thẳng tay trừng trị bọn quan lại và thân vương có hành động đầu hàng, thân Pháp như giết Trần Tiễn Thành, đày đi xa Tuy Lý vương, Gia Hưng Quận vương.

Lúc này thực dân Pháp thấy rõ Tôn Thất Thuyết là trở ngại lớn nhất cho việc thực hiện âm mưu thôn tính Việt Nam của chúng, nên chúng tìm mọi cách gạt bỏ ông ra khỏi Triều đình. Ngày 21-5-1885 Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp Frayxine điện cho Trú sứ Pháp ở Huế: « Không thể không trừng phạt hành vi của viên Thượng thư Bộ Binh nước Nam... Ông báo cho Triều đình nước đó biết rằng chúng ta không thể chịu được việc Tôn Thất Thuyết còn giữ chức Phụ chánh lâu hơn nữa, ông phải đòi hỏi người ta bãi chức viên ấy và đưa đi xa ».

Mối quan hệ giữa phái chủ chiến trong Triều đình Huế với bè lũ thực dân Pháp và tay sai đã trở nên căng thẳng cực độ. Giữa lúc đó tướng giặc Đờ Cuốxy đưa quân từ ngoài Bắc vào Kinh thành Huế (2-7-1885) với ý định rõ rệt là gấp rút bóp chết lực lượng chống Pháp còn sót lại trong Triều đình, bố trí bắt cóc và nếu cần thiết thủ tiêu Tôn Thất Thuyết. Một thầy thuốc người Pháp có mặt tại Huế lúc ấy là Mánggianh trong bức thư đề ngày 20-7-1885 gửi cho bạn đã khẳng định: «Đờ Cuốxy là một phần tử điên cuồng theo chủ nghĩa thôn tính». Tình hình cấp bách đó buộc Tôn Thất Thuyết và các đồng chí của ông phải hành động trước, không thể bị động ngồi chờ kẻ thù tiêu diệt. Đêm 4-7-1885 lợi dụng lúc bọn thực dân chủ quan đang say sưa yến tiệc trong tòa Khâm sứ bên bờ nam sông Hương, ông đã ra lệnh cho binh lính dưới quyền nổ súng tấn công vào các căn cứ đóng quân của giặc Pháp. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt. Nhưng do việc chuẩn bị chưa thật sự chu đáo, hơn nữa nằm trong thế bị động mặc dù có ý muốn giành phần chủ động, cuộc tấn công đã thất bại nhanh chóng. Ngay sau đó Tôn Thất Thuyết phải đưa Hàm Nghi ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị), rồi đến sơn phòng Phú Gia (Hà Tĩnh) và lấy danh nghĩa nhà vua ra lời kêu gọi văn thân, sĩ phu cùng với nhân dân cả nước đứng lên giúp vua, cứu nước, chống lại bọn xâm lược Pháp, khôi phục nền độc lập dân tộc. Hưởng ứng chiếu Cần vương, một cao trào yêu nước chống Pháp đã được phát động mạnh mẽ và kịp thời trong cả nước. «Ảnh hưởng của Tôn Thất Thuyết như là tăng lên hàng ngày». (16). Điều đó chỉ có thể giải thích được từ việc làm hợp lòng dân của ông.

Thực dân Pháp và tay sai đã điên cuồng phản ứng lại, ra sức đẩy mạnh việc săn lùng, khủng bố những người yêu nước. Triều đình Đồng Khánh mới được đặt lên sau sự biến Kinh thành đã ra «Dụ về việc định cách thưởng cho việc rước giá vua về và bắt nghịch Thuyết yết cáo khắp nơi từ Quảng Trị về phía Bắc... ai hay bày kế trực tiếp đưa xe vua ra giao cho quan quân rước về, thưởng cho hàm Chánh nhị phẩm, tấn phong tước Nam. Như đã có chức hàm tứ, ngũ phẩm trở lên rồi, thì hàm thưởng cũng như thế. Chánh nhị lại gia phong cho tước Bá; bắt sống được Tôn Thất Thuyết thưởng 1.000 lạng bạc, chém được thưởng 800 lạng» (17).

Cuộc hành trình của vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết cùng với đám tùy tùng theo đường thượng đạo từ sơn phòng Quảng Trị ra sơn phòng Hà Tĩnh vô cùng gian khổ. Biết trước điều đó, trước giờ lên đường,

Tôn Thất Thuyết đã thể tất nhân tình, hoàn toàn dựa vào tinh thần tự nguyện của binh lính dưới quyền:

«Chú nào lừa mẹ còn cha.

Thương con nhớ vợ, vậy mà cho lui.

Ra đi không khóc sụt sùi.

Lên ghềnh xuống hố tới lui khó lòng» (18).

Thế nhưng mẹ già cùng với vợ con ông vẫn sẵn sàng theo ông đi kháng chiến, để rồi mẹ ông (Văn Thị Thu) và vợ ông (Lê Thị Thanh) phải chết dọc đường vì lam sơn chuồng khí. Con trai ông người thì bị giết khi bảo vệ vua (Tôn Thất Tiệp), người thì tự sát khi thấy việc lớn không thành (Tôn Thất Đàm). Nếu chúng ta biết thêm rằng thân sinh ông là Tôn Thất Đình vì tuổi cao sức yếu nên không trực tiếp cầm quân được nhưng rất tán thành việc làm của con; sau Cụ bị giặc Pháp bắt trên đường chạy theo vua Hàm Nghi rồi phải đẩy ra Côn Đảo, và dọc đường đi Cụ bị ốm chết, bị ném xác xuống biển; các em ông là: Tôn Thất Lệ đã chỉ huy đạo quân tấn công vào căn cứ tòa Khâm sứ vào đêm 4-7-1885 tại Huế; Tôn Thất Hàm giữ chức Tri phủ Nông Cống (Thanh Hóa) đã bỏ quan tham gia phong trào Cần vương trong tỉnh, sau bị giặc bắt đưa đi an trí, ông tuyệt thực đến chết; 2 con ông: Tôn Thất Hoàng tham gia chống Pháp, bị đẩy chết ở Lao Bảo; Tôn Thất Trọng tham gia phong trào Đông Du; có thể khẳng định rằng gia đình Tôn Thất Thuyết là một gia đình có truyền thống yêu nước, và mỗi người tùy theo tài năng, sức lực đã đóng góp phần xương máu của mình vào công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc.

Giặc Pháp và bọn phong kiến tay sai lòng lộng đẩy mạnh việc truy lùng, chúng phóng hết đạo quân này đến đạo quân khác đi sâu vào miền rừng núi Hà Tĩnh - Quảng Bình hòng bắt cóc Hàm Nghi và «tiêu Triều đình» của ông do Tôn Thất Thuyết cầm đầu.

Tháng 3 năm 1886 trước những khó khăn ngày càng lớn, ông giao cho hai con trai là Tôn Thất Đàm và Tôn Thất Tiệp cùng với các quan ở lại bảo vệ vua, còn ông theo đường thượng đạo sang Trung Quốc cầu viện. Trên đường đi ông tranh thủ gặp gỡ những thủ lĩnh yêu nước ở các địa phương để cùng với họ bàn bạc kế hoạch phối hợp đánh Pháp như Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao, Tống Duy Tân ở Thanh Hóa, Đèo Văn Tri ở Lai Châu...

Đầu năm 1887 Tôn Thất Thuyết đến vùng Hoa Nam (Trung Quốc). Nhưng lúc này phong kiến nhà Thanh đã ký Qui ước Taielen Tân bán rẻ Việt Nam cho Pháp nên họ cố tình

bỏ rơi ông. Thêm vào đó sau khi đánh chiếm xong miền núi, thực dân Pháp đã tiến hành khóa chặt đường biên giới phía Bắc. Mặc dù vậy, vượt qua muôn vàn khó khăn, Tôn Thất Thuyết vẫn tiếp tục duy trì mối liên hệ với những cuộc khởi nghĩa ở trong nước, mua sắm vũ khí gửi về, tổ chức các đội quân vũ trang rồi phải về tấn công vào các đồn binh Pháp trên đường biên giới. Năm 1896 dưới sức ép mới của Pháp, nhà Thanh trở mặt đưa ông đi an trí ở Thiệu Châu, rồi Long Châu. Lúc này phong trào chống Pháp ở trong nước ta đã bị kẻ thù dập tắt trong máu lửa, thực dân Pháp càng có điều kiện xiết chặt bộ máy kìm kẹp đối với nhân dân ta. Thất vọng và đau buồn trước sự tan rã của phong trào kháng chiến Tôn Thất Thuyết đã sống mòn mỏi trong những năm tháng cuối đời ông trên đất Trung Quốc, và mất vào tháng 3-1913 tại Long Châu, mang theo xuống suối vàng cả một nỗi uất hận không cùng.

Về việc Tôn Thất Thuyết đề vua Hàm Nghi ở lại trong nước đề sang Trung Quốc cầu viện (năm 1886), sau này ông đã bị một số người buộc tội là «hèn nhát», «đào ngũ»⁽¹⁹⁾. Nhưng ngày nay nhìn nhận lại vấn đề với nhãn quan khoa học, chúng ta có thể bác bỏ để dành nhận định đó và khẳng định rằng động cơ thúc đẩy ông lên đường sang Trung Quốc là do tình thân yêu nước căm thù giặc, mong muốn tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài cho công cuộc chống Pháp của dân tộc. Tất nhiên trong hoàn cảnh phong kiến nhà Thanh đã cấu kết với thực dân Pháp thì chủ trương như vậy là sai lầm, là một sự ngộ nhận về chính trị. Song cũng phải thấy rằng Tôn Thất Thuyết vốn là con người xuất thân từ tầng lớp quan liêu, lại được đào luyện theo khuôn mẫu phong kiến nên những hạn chế về giai cấp và thời đại không khỏi tác động đến tư tưởng, tính cách, hành động của ông. Tôn Thất Thuyết và những sĩ phu, văn thân yêu nước cùng thời vẫn không thể vượt ra khỏi hạn chế của giai cấp xuất thân và thời đại của họ. Do đó mục tiêu chiến đấu của ông vẫn nhằm lập lại chế độ phong kiến. Trong khi đó dù cho xã hội Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX có là một xã hội phong kiến độc lập với một ông vua yêu nước chống Pháp như Hàm Nghi chăng nữa thì cũng đã quá lỗi thời, không còn thích hợp với yêu cầu phát triển của lịch sử nữa. Chính vì vậy mà phong trào Cần vương chỉ sau một thời kỳ bột phát ban đầu đã dần dần suy yếu, rồi tắt, bị cô lập và cuối cùng tan rã, nó không thể thống nhất và mở rộng thành một phong trào cách mạng sôi nổi khả dĩ đánh đổ cả hai kẻ thù là đế quốc và phong kiến tay sai.

Ở đây cũng còn có một vấn đề khác cần được giải quyết dứt khoát, đó là mối quan

hệ giữa Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường lúc bấy giờ.

Trước đây có một số người cho rằng Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường cùng thuộc phái chủ chiến, chỉ sau khi cuộc phản công ở Kinh thành Huế bị thất bại, trong nội bộ của họ mới có sự phân hóa tư tưởng. Thậm chí còn có ý kiến cho rằng Nguyễn Văn Tường nửa đường bỏ vua quay lại hợp tác với Pháp cũng nằm trong kế hoạch của phái kháng chiến; Tường ở lại hoạt động bên trong, còn Thuyết hoạt động ở bên ngoài, đó là một sự phân công, thỏa thuận từ trước giữa hai người. Nhưng thật ra thì quan điểm của hai người này hoàn toàn đối lập nhau. Về bản chất, Nguyễn Văn Tường là một phần tử cơ hội. Trong thời kỳ đầu khi thấy Tôn Thất Thuyết nắm giữ binh quyền, phái chủ chiến đang mạnh nên Tường phải làm theo nhằm giữ chức quyền, bảo vệ quyền lợi cá nhân. Khi cuộc phản công thất bại, Kinh thành rơi vào tay giặc, Tường đã lập tức quay ra hợp tác với Pháp. Riêng việc mới chạy ra Kim Long Tường đã lên vào nhà thờ nhờ cố đạo Calspa đưa ra đầu thú đã nói lên rằng ngay từ trước Tường đã có ý định cầu kết và đã bắt liên lạc với địch. Còn phía Tôn Thất Thuyết không phải không nắm được mưu đồ của Tường, nhưng đặt trong tương quan lực lượng cụ thể lúc đó, họ không thể gạt Tường ngay được mà cần lôi kéo y để trung lập phái chủ hòa đứng giữa, tập trung lực lượng đối phó với phái đầu hàng ngày càng bộc lộ hành động bán nước cầu vinh, làm tay sai cho giặc.

Dưới con mắt của nhân dân ta, Tôn Thất Thuyết đã trở thành biểu tượng của tình thân yêu nước và lòng quả cảm:

«Nước ta Quan Tướng anh hùng,

Bách quan văn võ cũng không ai tầy.

Người có ngọc vệt cầm tay.

Đạn vàng Tây bắn ba ngày không nao».⁽²⁰⁾

Tư tưởng và tính cách đối với non sông đất nước của Tôn Thất Thuyết còn được ghi đậm dấu ấn trong một số thơ văn của ông:

Đối với Tôn Thất Thuyết, yêu nước là phải luôn luôn biết đề cao ý thức trách nhiệm chung. Ông yêu nước bằng một tình cảm chân thành mạnh mẽ, khác xa với thứ yêu nước tiêu cực, yếu đuối của một số sĩ phu, quan lại cùng thời. Ông ví mình như cột đá trụ vững giữa dòng sâu, nhưng vẫn lạc quan, tin tưởng, hy vọng ở ngày mai:

«Phen này vì được lòng trời giúp,

Trở gót về Nam lối hán thông».

Ngay trong những năm tháng cuối đời ở nơi đất khách quê người, Tôn Thất Thuyết vẫn hướng về Tổ quốc với nỗi niềm canh cánh bên lòng:

«Thù nước hên ngày thề trả sạch»

«Già này tuy một-dám đầu ngo».

Con người mang nặng tình nghĩa với non sông như thế không thể «lấy chuyện chém giết làm vui», «nóng nảy, dữ dội... mà lại nhát gan»⁽²¹⁾ như bọn bồi bút thực dân đã từng xuyên tạc.

Ngay một số người Pháp trung thực cũng đã xác nhận lòng yêu nước cao cả của Tôn Thất Thuyết: «Đây là một bậc anh hùng. Rõ ràng Thuyết là một nhân vật lớn, bên cạnh ông thì tên phản bội Tường... chỉ là một cái bóng mờ nhạt...»

«Thuyết không hề bao giờ muốn giao thiệp với chúng ta (chỉ bọn thực dân Pháp - TG) và ông biểu lộ lòng căm ghét không cùng đối với chúng ta trong mọi hoàn cảnh. Chúng ta có thể nói rằng ông ta căm ghét chúng ta, đây là quyền và có lẽ đó là bổn phận của

ông ta»⁽²²⁾. Một tác giả khác cũng nhận xét: «Lòng yêu nước của Tôn Thất Thuyết không chấp nhận một sự thỏa hiệp nào. Ông ta xem các quan lại chủ hòa như kẻ thù của dân tộc... Tuy nhiên, dù cho sự đánh giá ông của những người cùng thời thiên vị như thế nào, một đạo đức lớn đã bộc lộ rõ rệt trong mọi hoàn cảnh của đời ông: đó là sự gắn bó lạ lùng của ông đối với Tổ quốc»⁽²³⁾.



Nói tóm lại, gạt bỏ một số hạn chế nhất định, chúng ta có thể khẳng định rằng Tôn Thất Thuyết là một người yêu nước nhiệt thành. Bằng hành động quyết liệt của mình, với ý thức trách nhiệm cao cả với dân, với nước, ông đã đóng vai trò to lớn trong phong trào đấu tranh vũ trang lâu dài và gian khổ của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược kéo dài suốt mấy chục năm ròng. Cuộc đời và sự nghiệp của ông là một tấm gương ngời sáng về tinh thần phụng sự Tổ quốc, tiêu biểu cho ý chí độc lập, tự cường của dân tộc ta vào cuối thế kỷ XIX.

Chú thích

(1), (21) Trần Trọng Kim «Việt Nam sử lược». Nxb Tân Việt, Sài Gòn, 1951, tr. 541, 550.

(2), (19) Charles Gosselin «Vương Quốc An Nam» (L'Empire d'Annam), Paris, Perrin et Cie 1904.

(3) Đào Trinh Nhất «Phan Đình Phùng», Nxb Đại La, Hà Nội 1944, tr. 52, 53. Cùng với loại ý kiến này còn có một số người Pháp như A. Delvaux trong «Một vài diêm lâm sáng tỏ thêm về một thời kỳ rối ren trong lịch sử nước Nam», B. A. V. H tháng 4-6-1920; Ch. Gosselin trong «Vương quốc An Nam» (Sđd); M. Gaultier trong «Ông vua bị lưu đày» (Le Roi proscrit), Hà Nội, 1940, v.v...

(4) Như các công trình «Về thất thủ Kinh đô», Nxb Văn Sử Địa, H. 1959; «Thơ văn Nguyễn Quang Bích», Nxb Văn hóa, H. 1961; «Thơ văn Nguyễn Xuân Ôn», Nxb Văn hóa, H. 1961...

(5) Trong cuộc đời chiến đấu ở ngoài Bắc, Tôn Thất Thuyết chưa hề làm thơ, mà chỉ có một số câu đối (viếng Trần Bích San, viếng

Hoàng Diệu, đề đền Cồ Loa). Nhưng trên đường sang Trung Quốc cầu viện, ông có sáng tác một số bài thơ: «Họa thơ Nguyễn Quang Bích», «Gửi Cầm Bá Thước», «Khóc Nguyễn Cáo», «Chim én bay trong mưa»....

(6) «Đại Nam thực lục chính biên», Tập 35, Nxb KHXH, H. 1976, tr. 23, 85.

(7), (8), (9), (10), (11), (12), (13) «Đại Nam thực lục chính biên», Tập 33, Nxb KHXH, H. 1975, tr. 245, 358, 295, 349, 69.

(14) Niên giám Hội truyền giáo, số 47.

(15) Theo lời kể của cụ Phan Bá Tính ở Mặt trận Tổ quốc huyện Thanh Chương, Nghệ Tĩnh.

(16), (23). M. Gaultier - «Ông vua bị lưu đày», Sđd.

(17) «Đại Nam thực lục chính biên», Tập 36, Nxb KHXH, H. 1976, tr. 235.

(18) (20) «Về thất thủ Kinh đô» Sđd, tr. 91, 64

(22) Bastide «Cuộc nổi dậy và việc đánh chiếm Kinh thành Huế năm 1885» «Soulèvement et prise de Hué en 1885». Paris, 1912.

ИССЛЕДОВАНИЕ ИСТОРИИ

выходит 6 раз в год

6 (225)

Главный редактор ВАН ТАО

Зам. главного редактора
КАО ВАН ЛЫОНГ

XI — XII

1985

Адрес редакции:
38 Hàng Chiếu Hà Nội
Тел 53200

СОДЕРЖАНИЕ

ВАН ТАО	— Тесная связь между географией и историей в описании географии	1
ДО МИНЬ КАО	— Вьетнам и Стратегическое поражение США в Юго — Восточной Азии	5
ДИНЬ СУАН ЛАМ	— К правильной оценке о роли Тон Тхат Тхуэта в истории Вьетнама	11
НГУЕН ФАН КУАНГ	— Восстание Давача	16
ФАМ КУАНГ ЧУНГ	— Эксплуатация французскими капиталистами риса и рождение класса помещиков в Намбо при колониализме	23
НГУЕН ЗАНЬ ФИЕТ	— «12 военных начальников» и роль Динь Бо Линя в Объединении страны	32
НГУЕН МИНЬ ТЫОНГ	— К определению места р. Тхиен Мак в сопротивлении против монгольских захватчиков в 1285 г	41
ВУ ЗУИ МЕН	— Написание и дополнение тетради норм деревни Куиньдоа	45
ЧАН ТХИ БИК НГОК	— Политическое и экономическое место г. Шенгон-Зялпия в Индокитае, Юго-Восточной Азии и в мире в XVII—XIX вв	56
НГУЕН ВАН ТХАМ — ФАН ДАЙ ЗОАН	— К классификации источников истории Вьетнама	60
ШЕРДИРД ШМИДТ	— Общее и природа: проблемы исследования исторических источников	69

МАТЕРИАЛЫ

ДО ТХИНЬ	— Кто ты Куан Конг ?	76
ХЫУ ТХОНГ	— К сборнику карт найденных в Хуэ	77

ЗАМЕТКИ О КНИГАХ

ЧЫОНГ ХЫУ КУИНЬ	— «История Нге Тиня. Т.I»	79
-----------------	---------------------------	----

ИНФОРМАЦИЯ

Содержание 6 номеров текущего года